

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 17 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Vinh và bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Địa chỉ: Số D - D - D đường P, phường R, tỉnh An Giang) (Địa chỉ cũ: Số D - 42- 44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A đường H, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông Trần Văn V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Văn T trình bày:*

Ngày 25/9/2019, ông Trần Văn V có đề xuất vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền là 20.000.000

đồng, theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số: 902/19/TC/0702-8471 ngày 25/9/2019 với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng.
- Loại thẻ: VISA - Không tài sản bảo đảm.
- Lãi suất vay: Theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 03/01/2020. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và khách hàng cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 17/9/2025, khách hàng còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể là: Nợ gốc: 19.978.378 đồng, lãi phát sinh là 27.670.728 đồng; tiền phạt chậm trả là 59.861.946 đồng, tổng cộng là 107.511.052 đồng (*Một trăm linh bảy triệu năm trăm mười một ngàn, không trăm năm mươi hai đồng*).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông Trần Văn V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/9/2025 là 107.511.052 đồng; trong đó: nợ gốc 19.978.378 đồng; Lãi phát sinh 27.670.728 đồng, P phạt chậm trả 59.861.946 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 18/9/2025 cho đến ngày thanh toán xong các khoản nợ.

- Sau khi Q định/Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc khách hàng trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

* Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập để thông báo cho ông V biết để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không đến tòa án và vắng mặt tại các phiên tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng

xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 107.511.052 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm mười một ngàn, không trăm năm mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc chưa thanh toán 19.978.378 đồng; Lãi phát sinh 27.670.728 đồng; P phạt chậm trả 59.861.946 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 18/9/2025 cho đến ngày thanh toán xong nợ nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn V phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 ngày 25/09/2019 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn địa chỉ cư trú tại thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 ngày 25/09/2019 với nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; thời hạn: 36 tháng, lãi suất 22%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 19.978.378 đồng. Tính đến ngày 17/9/2025 thì bị đơn còn nợ số tiền gốc là 19.978.378 đồng, lãi phát sinh là 27.670.728 đồng, và tiền phạt chậm trả là 59.861.946 đồng. Bị đơn không trả tiền cho Ngân hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 17/9/2025 bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi phát sinh là 27.670.728 đồng và phí phạt chậm trả 59.861.946 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 18/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với mức 107.511.052 đồng x 5% = 5.376.000 đồng (đã làm tròn) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

1. Buộc ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tính đến ngày 17/9/2025 gồm: nợ gốc 19.978.378 đồng; lãi phát sinh 27.670.728 đồng, phí phạt chậm trả 59.861.946 đồng. Tổng cộng là 107.511.052 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm mười một ngàn, không trăm*

năm mươi hai đồng).

2. Ông Trần Văn V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2 ngày 25/09/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông Trần Văn V kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Trần Văn V phải chịu 5.376.000 đồng (*Năm triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.461.299 đồng (*Hai triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng*) theo biên lai số 6959 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk).

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định